

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 227/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 19 – 12 – 2019

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Hành

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019. Về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tô Minh V - Sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị N - Sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Về hôn nhân:* Anh Tô Minh V và chị Trần Thị N chung sống như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh V và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V và chị N bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận. Anh V và chị N đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, anh Tô Minh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị N.

- *Về con chung:* Anh Tô Minh V và chị Trần Thị N có 01 người con chung tên Tô Bảo D, sinh ngày 01 – 02 – 2009, hiện con đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn anh V yêu cầu giao con cho chị N tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh Tô Minh V xác định trong thời gian chung sống anh và chị N không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Tô Minh V xác định trong thời gian chung sống anh và chị N không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của anh V nhưng chị N không có ý kiến. Tòa án thông báo để chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa Anh Tô Minh V và chị Trần Thị N là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị N có địa chỉ tại ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Chị N đã được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập chị N hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập chị N đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh Tô Minh V và chị Trần Thị N sống chung như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh V và chị N không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử không công nhận anh Tô Minh V và chị Trần Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh Tô Minh V và chị Trần Thị N có 01 người con chung tên Tô Bảo D, sinh ngày 01 – 02 – 2009, hiện con đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn anh V đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự, đồng thời sau khi anh V, chị N ly thân đến nay thì cháu D do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tô Bảo D cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh V xác định trong thời gian chung sống anh và chị N không có tài sản chung, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh V xác định trong thời gian chị N chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị N vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Tô Minh V và chị Trần Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Tô Bảo D, sinh ngày 01 – 02 – 2009. Anh Tô Minh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tô Minh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Tô Minh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh V có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004795 ngày 24 – 9 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ anh V nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Tô Minh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước ;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt